

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(kèm theo Quyết định số 5102/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học cử nhân Giáo dục thể chất được điều chỉnh năm 2020 nhằm mục đích phát triển một số ngành đào tạo của Trường Đại học Sư phạm đạt tiêu chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng đào tạo đại học, đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam.

Chương trình đào tạo đại học cử nhân Giáo dục thể chất được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục phổ thông. Các môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất đều được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ của Khoa.

Khoa Thể dục thể thao không ngừng cải tiến và phát triển về cơ sở vật chất cũng như các hoạt động giáo dục và nghiên cứu nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của lĩnh vực Thể dục thể thao. Khoa đã và đang cung cấp, tạo dựng cho người học môi trường giáo dục toàn diện cả về mặt lý thuyết và thực tế, khuyến khích người học học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và hợp tác.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân Giáo dục thể chất
Tên chương trình (tiếng Anh)	Physical education
Mã ngành đào tạo:	7140206
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Giáo dục thể chất
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	135
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT

Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 135 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng. - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ. - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	- Giáo viên, Huấn luyện viên giảng dạy, huấn luyện TDDT ở các cơ sở giáo dục; các trung tâm TDDT. - Cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu khoa học TDDT. - Cán bộ quản lý phong trào TDDT ở các sở, phòng văn hóa TDDT và trong các lực lượng vũ trang.
Học tập nâng cao trình độ:	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	Chương trình cử nhân ngành GDTC Trường Đại học Quy Nhơn Chương trình cử nhân ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm Hà Nội2 Chương trình đào tạo đại học ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội Chương trình cử nhân ngành GDTC Học viện Thể thao Thượng Hải Trung Quốc
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	12/2020

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Thể chất là đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất có trình độ đại học, cán bộ quản lý, chuyên viên phụ trách chuyên môn tại các cơ sở giáo dục, cán bộ làm công tác phong trào tại các cơ quan văn hóa - TDDT của cả nước, đặc biệt là khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và các vùng lân cận. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn công tác GDTC và giáo dục đặt ra; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng với yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt; có năng lực chuyên môn, có lòng say mê với các hoạt động nghề nghiệp.

PO2. Có kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành thuộc lĩnh vực chuyên môn.

PO3. Có kiến thức về Lý luận dạy học bộ môn, tâm lý học, Giáo dục học và vận dụng được trong dạy học, giáo dục học sinh.

PO4. Có tư duy phân tích, đánh giá, xây dựng được kế hoạch triển khai hoạt động GDTC, thể thao trong trường học và ở địa phương theo định hướng phát triển năng lực học sinh; có kỹ năng tư vấn, hỗ trợ người học.

PO5. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

PO6. Có năng lực giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu trong trường học, cơ quan Văn hóa – Thể thao các cấp và các ngành nghề có liên quan.

PO7. Có năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học trong lĩnh vực GDTC và Thể thao trường học;

PO8. Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

*** Kiến thức chung**

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

*** Kiến thức chuyên môn**

PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm để phân tích, đánh giá những nhiệm vụ cụ thể trong thực tiễn công tác GDTC, Thể thao trường học và các hoạt động thể thao trong cộng đồng.

PLO4: Vận dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực chuyên môn vào hoạt động thực tiễn công tác GDTC và Thể thao trường học.

4.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

PLO5: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO6: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

PLO7: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

*** Kỹ năng chuyên môn**

PLO8: Thực hiện được kỹ thuật cơ bản của một số môn thể thao cơ bản trong chương trình GDPT; Xây dựng được kế hoạch giảng dạy, huấn luyện và tổ chức thi đấu, trọng tài trong hoạt động GDTC và Thể thao trường học.

PLO9: Vận dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; Xử lý được các tình huống xảy ra trong công tác GDTC và Thể thao trường học.

PLO10: Vận dụng được các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong công tác GDTC và Thể thao trường học.

PLO11: Phân tích được điều kiện thực tiễn của cơ quan và địa phương để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động GDTC và Thể thao.

PLO12: Phối hợp với các lực lượng liên quan để lập kế hoạch tổ chức hoạt động; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở cấp cơ sở. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho công tác giáo dục nói chung và GDTC, Thể thao trường học nói riêng.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

PLO14: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn					NL tự chủ và trách nhiệm	
	PLO 1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14

PO1	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		
PO2	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
PO3		x	x											
PO4					x				x		x	x		
PO5														x
PO6			x	x				x	x				x	
PO7										x				
PO8						x	x							

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu liên quan đến công tác giảng dạy như: Chuẩn bị học liệu, đề cương bài giảng, đề cương môn học, ngân hàng câu hỏi phục vụ kiểm tra, đánh giá...

Ngoài ra, giảng viên phải có trách nhiệm đề xuất các thiết bị, dụng cụ, sân bãi phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của các học phần mình đảm nhiệm.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi môn học trong chương trình đều được sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, Elearning.

Phương pháp thuyết trình: Được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết. Mục đích là giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần

Phương pháp bài tập: Được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập. Mục đích là vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến môn học; Rèn luyện kĩ năng tương tác với tập thể; Kĩ năng viết và trình bày bảng. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp seminar, thảo luận: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của môn học. Rèn luyện kĩ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp thực hành: Được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện khả năng thực hành các kĩ - chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài cho sinh viên. Ngoài ra, phương pháp thực hành còn giúp sinh viên kiểm chứng các nội dung lí thuyết của môn học. Từ đó nâng cao năng lực thực hành trong quá trình dạy học và nghiên cứu của sinh viên.

Phương pháp E-learning: Được áp dụng đối với một số môn học. Mục đích là trao quyền chủ động nhất cho người học về không gian, thời gian và kiến thức. Tuy nhiên hình thức dạy học này đòi hỏi sự đầu tư rất lớn ở người thầy, nên mới triển khai được ở một số ít môn học.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần để điều chỉnh đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và SGK;

- Trong từng năm học các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao năng lực GV;

- Các học phần của chương trình đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của người thầy.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số đầu điểm quá trình
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kì	
2	1	1	1	3
3-4	1	2	2	5
5	1	2	3	6

- Trọng số điểm: Đánh giá quá trình 50%; Thi kết thúc học phần 50%

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương 28 tín chỉ	Bắt buộc	26 tín chỉ
		Tự chọn	2 tín chỉ
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 60 tín chỉ	Bắt buộc	56 tín chỉ
		Tự chọn	4 tín chỉ
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm 40 tín chỉ	Bắt buộc	24 tín chỉ

		Tự chọn	16 tín chỉ
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 7 tín chỉ	Khoá luận	7 tín chỉ
		Tự chọn	7 tín chỉ
Tổng số			135

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 10 học phần bắt buộc và 6 học phần tự chọn. Khối kiến thức chung được xác định theo quy định chung của Bộ Chính trị. Khối kiến thức này cung cấp những kiến thức về phương pháp luận, từ đó vận dụng các quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cũng như kiến thức pháp luật và giúp sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ.
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành), gồm 17 học phần bắt buộc và 5 học phần tự chọn. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp cung cấp những kiến thức hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành; Khối kiến thức ngành cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn vững vàng.
- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 8 học phần bắt buộc và 6 học phần tự chọn. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp cung cấp các kiến thức nghiệp vụ sư phạm và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.
- Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, gồm 05 học phần tự chọn. Các học phần thay thế khoá luận và khoá luận tốt nghiệp giúp cung cấp kiến thức cho sinh viên trước khi ra trường và nâng cao khả năng giảng dạy, thực hành trong lĩnh vực GDTC.

2. Danh sách các học phần

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
1.	Kiến thức giáo dục đại cương		2
Các học phần bắt buộc			2
1	55SPH131	Triết học Mác - Lênin	3
2	55SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	55SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	55HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	55HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	55EDL121	Pháp luật đại cương	2
7	55ENG131	Tiếng Anh 1	3
8	55ENG132	Tiếng Anh 2	3
9	55ENG143	Tiếng Anh 3	4
10	55GIF131	Tin học đại cương	3
11	55MIE131	Giáo dục quốc phòng	3
Các học phần tự chọn (chọn 2 tín chỉ)			2
12	55GME121	Quản lý hành chính nhà nước & Quản lý ngành	2
13	55VIU121	Tiếng Việt thực hành	2

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
14	55EDE121	Môi trường và phát triển	2
15	55VCF121	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
16	55CDE121	Văn hóa và phát triển	2
17	55LOG121	Lôgic hình thức	2
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		6
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		1
18	55HSR221	Giải phẫu người	2
19	55SPL241	Sinh lý học Thể dục Thể thao	4
20	55SMC241	Vệ sinh và Y học Thể dục Thể thao	4
21	55SRM231	Phương pháp NCKH và đo lường thể thao	3
2.2	Kiến thức ngành		4
2.2.1. Các học phần bắt buộc			4
22	55ATI341	Điền kinh 1 (chạy ngắn, chạy TB, chạy tiếp sức)	4
23	55ATI342	Điền kinh 2 (nhảy xa, nhảy cao)	4
24	55GNT331	Thể dục 1 (đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản)	3
25	55GNT332	Thể dục 2 (Aerobic, Đồng diễn)	3
26	55SFB341	Bóng đá	4
27	55SVB341	Bóng chuyền	4
28	55BKB341	Bóng rổ	4
29	55SBM341	Cầu lông	4
30	55SWM321	Bơi 1	2
31	55SWM322	Bơi 2	2
32	55KFU341	Võ thuật	4
33	55SGA321	Trò chơi vận động	2
34	55SSC331	Đá cầu	3
2.2.2. Các học phần tự chọn			4
35	55NTS321	Thể thao dân tộc	2
36	55TEI321	Quần vợt	2
37	55CHE321	Cờ vua	2
38	55GNT321	Âm nhạc vũ đạo	2
39	55TTE321	Bóng bàn	2
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		4
3.1. Các học phần bắt buộc			2
40	55EPS431	Tâm lý học giáo dục	3
41	55PEP441	Giáo dục học	4
42	55STM441	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	4
43	55SSM431	Phương pháp dạy học môn Giáo dục thể chất trong trường phổ thông 1	3
44	55SSM432	Phương pháp dạy học môn Giáo dục thể chất trong trường phổ thông 2	3
45	55ASF421	Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	2

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
46	55TRA421	Thực tập Sư phạm 1	2
47	55TRA432	Thực tập Sư phạm 2	3
3.2. Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 6 môn thể thao)			1
48	55SVB442	Bóng chuyền nâng cao	4
49	55SFB442	Bóng đá nâng cao	4
50	55BKB442	Bóng rổ nâng cao	4
51	55SSM442	Bơi nâng cao	4
52	55SBM442	Cầu lông nâng cao	4
53	55KFU442	Võ thuật nâng cao	4
4.	Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7
	4.1. Khoá luận tốt nghiệp		7
54	55GTP904	Khoá luận tốt nghiệp	7
	4.2. Các học phần thay thế KLTN (chọn 7 TC)		7
	Tự chọn		4
55	55EDS941	Học thuyết huấn luyện	4
56	55SMG941	Quản lý Thể dục Thể thao	4
	Tự chọn		3
57	55SCC931	Giáo dục học Thể dục Thể thao	3
58	55SHT931	Lịch sử Thể dục Thể thao	3
59	55SPL931	Tâm lý học Thể dục Thể thao	3
Tổng cộng			135

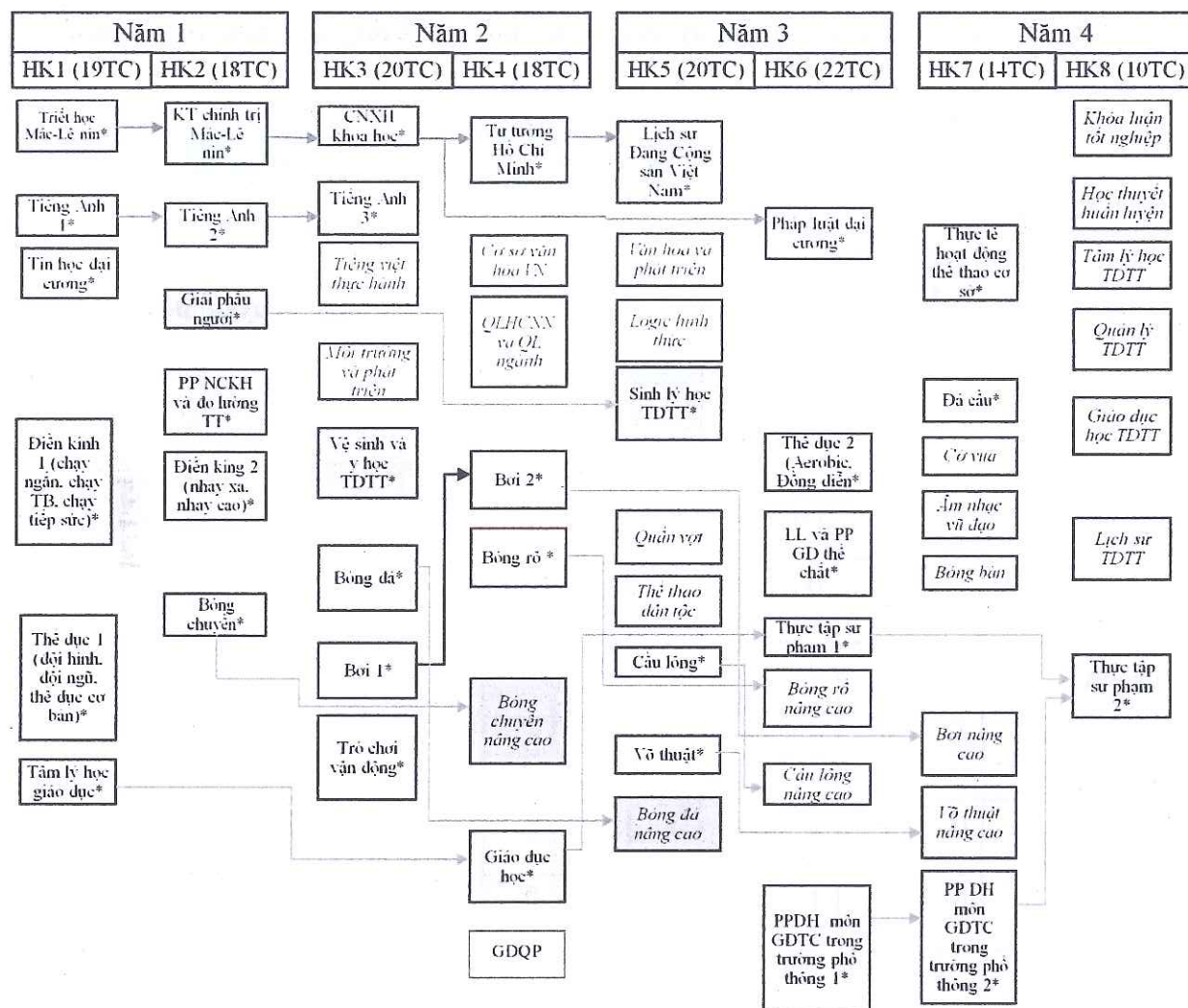
3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
55ENG131 Tiếng Anh 1*	55SPE121 Kinh tế chính trị Mác – Lênin*	55SSO121 Chủ nghĩa xã hội khoa học*	55BKB341 Bóng rổ*
55SPH131 Triết học Mác – Lênin*	55ENG132 Tiếng Anh 2*	55ENG143 Tiếng Anh 3*	55HCM121 Tư tưởng Hồ Chí Minh*
55EPS431 Tâm lý học giáo dục*	55HSR221 Giải phẫu người*	55SFB341 Bóng đá*	55SWM322 Bơi 2*
55ATI341 Điền kinh 1 (chạy ngắn, chạy TB, chạy tiếp sức)*	55ATI342 Điền kinh 2 (nhảy xa, nhảy cao)	55SWM321 Bơi 1*	55PEP441 Giáo dục học*
55GNT331	55SVB341 Bóng chuyền*	55SMC241 Vệ sinh và Y học TDTT*	55GME121

Thể dục 1 (đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản)*			Quản lý hành chính nhà nước & Quản lý ngành
55GIF131 Tin học đại cương*	55SRM231 Phương pháp NCKH và đo lường TT*	55SGA321 Trò chơi vận động*	55VCF121 Cơ sở văn hoá Việt Nam
		55VIU121 Tiếng Việt thực hành	55SVB442 Bóng chuyền nâng cao
		55EDE121 Môi trường và phát triển	
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8
55KFU341 Võ thuật*	55STM441 Lý luận và phương pháp GDTC*	55SSC331 Đá cầu*	55TRA432 Thực tập Sư phạm 2*
55HPV121 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*	55EDL121 Pháp luật đại cương*	55ASF421 Thực tế hoạt động thể thao cơ sở*	Khoá luận tốt nghiệp
55SBM341 Cầu lông*	55SSM431 Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 1*	55SSM432 Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 2*	55EDS941 Học thuyết huấn luyện
55SPL241 Sinh lý học TDTT*	55TRA421 Thực tập Sư phạm 1*	55CHE321 Cờ vua	55SPL931 Tâm lý học TDTT
55CDE121 Văn hóa và phát triển	55GNT332 Thể dục 2 (Aerobic, Đồng diễn)*	55GNT321 Âm nhạc vũ đạo	55SMG941 Quản lý TDTT
55NTS321 Thể thao dân tộc	55BKB442 Bóng rổ nâng cao	55TTE321 Bóng bàn	55SCC931 Giáo dục học TDTT
55LOG121 Logic hình thức	55SBM442 Cầu lông nâng cao	55SSM442 Bơi nâng cao	55SHT931 Lịch sử TDTT
55SFB442 Bóng đá nâng cao		55KFU442 Võ thuật nâng cao	
55TEI321 Quần vợt			

Ghi chú: * là học phần bắt buộc

*** Sơ đồ lộ trình giảng dạy các học phần**



Kiến thức chung	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức ngành	Kiến thức NVSP	KLTN và thay thế
Học phần bắt buộc*	Học phần tự chọn			

4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình;

3= Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn		Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14
Khối kiến thức Chung	1	1	0	0	2	1	1	0	0	0	0	0	1	2
Cơ sở ngành	0	0	3	1	1	0	0	0	1	2	1	1	1	2
Khối kiến thức ngành	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
NVSP	0	1	2	1	2	1	0	2	2	2	1	1	1	2
TT KLTN	0	1	1	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;

3= Đóng góp mức cao)

[illegible]

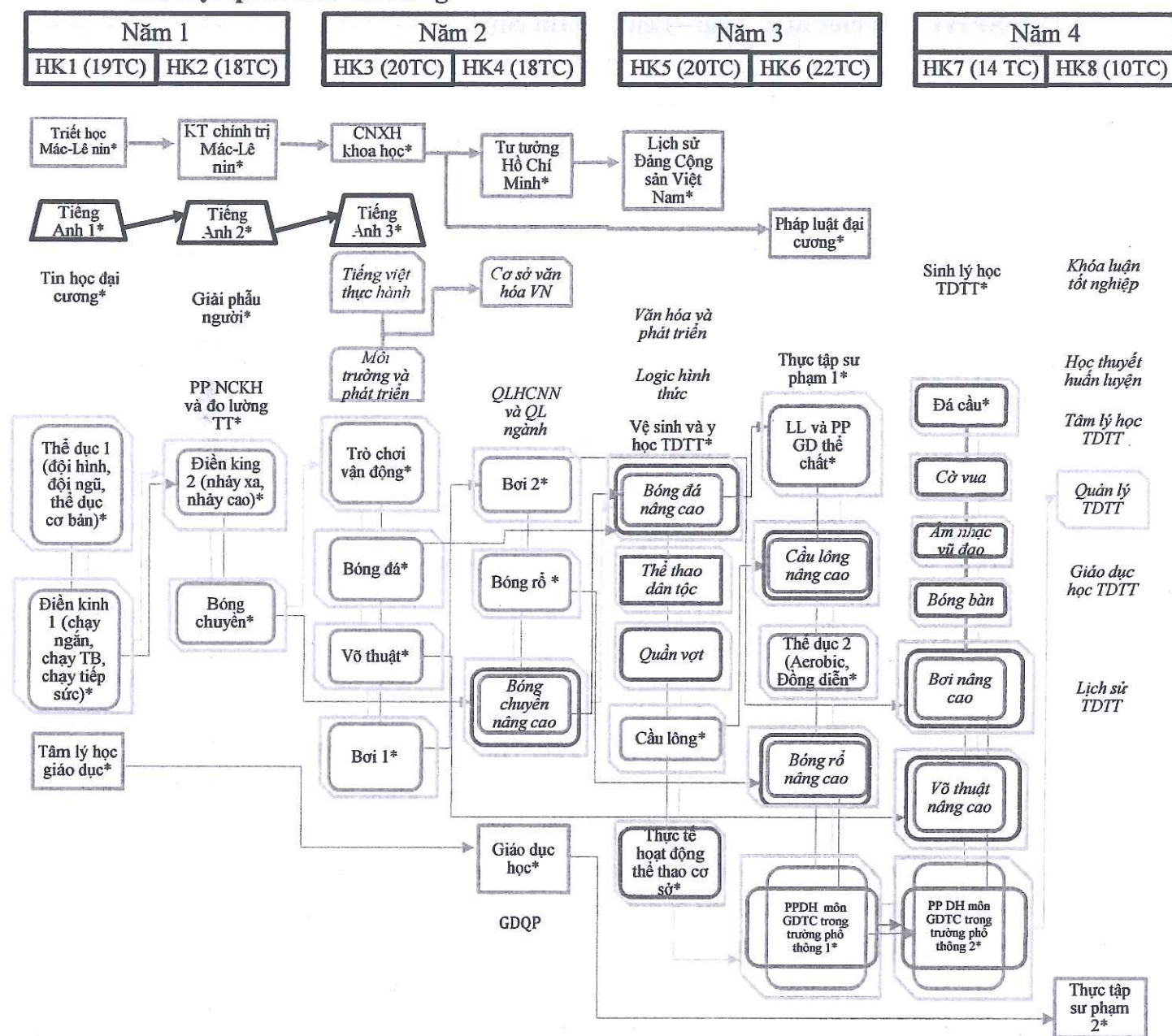
55SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1
55HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2
55HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1
55EDL121	Pháp luật đại cương	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1
55ENG131	Tiếng Anh 1	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	0	2
55ENG132	Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2
55ENG143	Tiếng Anh 3	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	0	2
55GIF131	Tin học đại cương	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	2
55MIE131	Giáo dục quốc phòng														
55GME121	Quản lý HC nhà nước & QL ngành	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2
55VIU121	Môi trường và phát triển	0	0	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	0	3
55EDE121	Tiếng Việt thực hành	0	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	0	1	3
55VCF121	Cơ sở văn hoá Việt Nam	0	3	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	3
55CDE121	Văn hóa và phát triển	0	2	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1
55LOG121	Logic hình thức	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2
55HSR221	Giải phẫu người	0	0	2	1	1	1	0	0	1	1	0	1	1	2

55SPL241	Sinh lý học TDTT	0	0	3	1	0	0	0	0	0	2	1	0	0	1
55SMC241	Vệ sinh và Y học TDTT	0	0	3	1	0	0	0	0	0	2	1	0	0	1
55SRM231	Phương pháp NCKH và đo lường TT	0	0	3	1	0	0	0	0	0	2	1	0	0	1
55ATI341	Điền kinh 1 (chạy ngắn, chạy TB, chạy tiếp sức)	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
55ATI342	Điền kinh 2 (nhảy xa, nhảy cao)	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
55GNT331	Thể dục 1 (đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản)	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
55GNT332	Thể dục 2 (Thể dục nhịp điệu, Aerobic)	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
55SFB341	Bóng đá	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
55SVB341	Bóng chuyền	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
55BKB341	Bóng rổ	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
55SBM341	Cầu lông	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
55SWM32 1	Bơi 1	0	0	2	2	1	0	0	2	1	1	1	1	0	2
55SWM32 2	Bơi 2	0	0	2	2	1	0	0	2	1	1	1	1	0	2
55SSC331	Đá cầu	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
55SGA321	Trò chơi vận động	0	0	2	2	1	0	0	2	1	1	1	1	0	2
55KFU341	Võ thuật	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2

55NTS321	Thể thao dân tộc	0	0	2	2	1	0	0	2	1	1	1	1	0	2
55TEI321	Quần vợt	0	0	2	2	1	0	0	2	1	1	1	1	0	2
55CHE321	Cờ vua	0	0	2	2	1	0	0	2	1	1	1	1	0	2
55GNT321	Âm nhạc vũ đạo	0	0	2	2	1	0	0	2	1	1	1	1	0	2
55TTE321	Bóng bàn	0	0	2	2	1	0	0	2	1	1	1	1	0	2
55EPS431	Tâm lý học giáo dục	0	3	0	0	2	3	0	0	0	0	0	0	2	1
55PEP441	Giáo dục học	0	3	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2
55STM441	Lý luận và phương pháp GDTC	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2
55SSM431	Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 1	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2
55SSM432	Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 2	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2
55ASF421	Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2
55TRA421	Thực tập sư phạm 1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
55TRA432	Thực tập sư phạm 2	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3
55SVB442	Bóng chuyền nâng cao	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2

55SFB442	Bóng đá nâng cao	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2
55BKB442	Bóng rổ nâng cao	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2
55SSM442	Bơi nâng cao	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2
55SBM442	Cầu lông nâng cao	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2
55KFU442	Võ thuật nâng cao	0	0	3	2	2	0	0	3	3	3	1	1	0	2
55GTP904	Khoá luận tốt nghiệp	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2
55EDS941	Học thuyết huấn luyện	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2
55SPL931	Tâm lý học TDTT	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2
55SMG941	Quản lý TDTT	0	1	1	2	1	0	0	0	0	0	2	2	0	1
55SCC931	Giáo dục học TDTT	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2
55SHT931	Lịch sử TDTT	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2

*** Ma trận phát triển kĩ năng**



PLO5 Giao tiếp

PLO6 Ứng dụng CNTT

PLO7 Sử dụng Tiếng Anh

PLO8 Thực hiện KT

PLO11,12 Phối hợp, tổ chức hoạt động

PLO 9, 10 Vận dụng Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá

Học phần bắt buộc*

Học phần tự chọn

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1. 55SPH131, Triết học Mác–Lênin (3 tín chỉ)

Học phần này thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng những nguyên lý triết học của Chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm các vấn đề về thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: Quan hệ biện chứng giữa vật chất, ý thức; hai nguyên lý, ba quy luật và sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức. Học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản phản ánh quy luật vận động, phát triển của xã hội được thể hiện trong các nội dung: Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và nhân loại; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin.

6.2. 55SPE121, Kinh tế chính trị Mác–Lênin (2 tín chỉ):

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của Các Mác và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong CNTB hiện đại. Đồng thời, học phần còn tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

6.3. 55SSO121, Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

6.4. 55HPV121, Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018. Chương 1 nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Chương 2, 3 nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1945 - 2018). Kết luận khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

6.5. 55HCM121, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư

tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

6.6. 55EDL121, Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Môn học cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

6.7. 55ENG131, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.8. 55ENG132, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có "to", các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35-45 từ.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.9. 55ENG143, Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ)

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Ngôn ngữ và học tập; Du lịch và kỳ nghỉ; Lịch sử; Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định, *will, might*. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.10. 55GIF131, Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6.11. 55GME121, Quản lý hành chính NN và Quản lý ngành (2 tín chỉ)

Môn học Quản lý HCNN và quản lý ngành giáo dục-đào tạo là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân quản lý giáo dục. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật...; quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục đào tạo) và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo; giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục. Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn pháp luật đại cương, môn giáo dục học, môn tổ chức và quản lý trường học.

6.12. 55VIU121, Tiếng việt thực hành (2 tín chỉ)

Tiếng Việt thực hành (môn học tự chọn) được cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: *Rèn luyện kỹ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu*. Chương 2: *Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản*.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về: chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Trên cơ sở đó hình thành các kỹ năng cần thiết giúp người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói.

6.13. 55EDE121, Môi trường và phát triển (2 tín chỉ)

Nội dung môn học môi trường và phát triển gồm các nhóm kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, nhu cầu và hoạt động thoả mãn nhu cầu của con người, hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và các chính sách bảo vệ môi trường - phát triển bền vững. Các nội dung được đề cập ở mức độ bao quát trên thế giới và đi sâu phân tích ở phạm vi Việt Nam. Ngoài ra môn học cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa con người và môi trường; các hậu quả của bùng nổ dân số; ảnh hưởng của sự phát triển dân số đến môi trường; ảnh hưởng của xã hội hiện đại đến môi trường tự nhiên; hiện trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên; mối quan hệ dân số, phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên thiên nhiên.

6.14. 55VCF121, Cơ sở văn hoá Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những tri thức mang tính chất cơ bản, đặc thù của văn hóa Việt Nam. Môn học gồm có 3 chương, cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về văn hóa, văn hóa học và các vấn đề cụ thể như: định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; một số thành tố văn hóa; các vùng văn hóa Việt Nam... Từ đó giúp cho sinh viên có ý thức trân trọng, giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

6.15. 55CDE121, Văn hoá và phát triển (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhóm các học phần tự chọn, gồm ba chương. Chương 1. *Mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển*, trình bày một số khái niệm, phân tích mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển; vai trò, ảnh hưởng, tác động của văn hóa tới sự phát triển kinh tế, xã hội và ngược lại. Chương 2. *Toàn cầu hóa văn hóa và đa dạng văn hóa ở Việt Nam*, trình bày các đặc điểm của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa văn hóa và đa dạng văn hóa. Chương 3. *Văn hóa và phát triển: chính sách và giải pháp*, phân tích các chính sách về văn hóa và phát triển ở thế giới và Việt Nam, thảo luận về các giải pháp

6.16. 55LOG121, Logic hình thức (2 tín chỉ)

Học phần logic hình thức nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hình thức, quy luật của tư duy, giúp người học có thể tư duy độc lập, biết cách giải quyết các vấn đề liên quan đến

tư duy. Logic hình thức có liên hệ mật thiết với các khoa học lý luận như triết học; với các khoa học tính toán như toán học; với các khoa học xã hội nhân văn như ngôn ngữ học, tâm lý học...

6.17. 55HSR221, Giải phẫu người (2 tín chỉ)

Học phần giải phẫu người cung cấp cho sinh viên chuyên ngành thể dục thể thao kiến thức về đại cương môn học, các nguyên tắc hoạt động của cơ thể người và các chức phận có liên quan. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về các chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ), hệ thần kinh, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, sinh dục. Các kiến thức tổng hợp của cơ thể con người sẽ đạt được với các buổi thực hành, bao gồm các nghiên cứu về một số hệ cơ quan trong cơ thể người. Đồng thời, môn học này còn là bộ phận kiến thức cần thiết cho việc tiếp thu kiến thức các môn học khác như sinh lý học thể dục thể thao, y học thể dục thể thao ... cũng như ứng dụng trong phân tích kỹ thuật bài tập thể chất.

6.18. 55SPL241, Sinh lý học Thể dục Thể thao (4 tín chỉ)

Sinh lý học Thể dục thể thao là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức chuyên ngành, đối tượng nghiên cứu là sinh lý học trong hoạt động Thể dục thể thao. Môn sinh lý học TDTT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động của cơ thể từ mức tế bào, tổ chức, cơ quan, hệ thống cơ quan đến toàn bộ cơ thể là một bộ máy thống nhất. Những quan điểm về cơ chế sinh lý của việc hình thành kỹ năng vận động và phát triển các tổ chức vận động. Tác dụng của tập luyện thể dục thể thao đối với tất cả các cơ quan của cơ thể và tăng cường được khả năng thích nghi của chúng với điều kiện sống khác nhau.

6.19. 55SMC241, Vệ sinh và Y học TDTT (4 tín chỉ)

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, vệ sinh học đường và vệ sinh trong tập luyện TDTT. Tìm hiểu về đặc điểm hình thái chức năng, phát triển thể chất nhằm đánh giá về thể lực và sức khỏe con người. Từ những kiến thức đã học sinh viên biết phòng tránh, chấn thương, bệnh lý và bước đầu biết xử lý các trường hợp chấn thương và bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDTT.

6.20. 55SRM231, Phương pháp NCKH và Đo lường thể thao (3 tín chỉ)

Môn học Phương pháp NCKH và Đo lường TT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDTT phù hợp với xu thế phát triển của khoa học hiện đại trên cơ sở tích lũy những kinh nghiệm thực tiễn của công tác thể dục thể thao nước ta. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho người học những kiến thức khái quát về đo lường TT; cơ sở lý luận của test; Phương pháp đánh giá trong đo lường TT. Thông qua môn học giúp sinh viên hiểu và

vận dụng được các vấn đề về lý luận vào thực tiễn quá trình giảng dạy, huấn luyện và NCKH trong lĩnh vực TDDT.

6.21. 55ATI341, Điền kinh 1 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - Chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Điền kinh 1. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền, nhanh, mạnh và là nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.22. 55ATI342, Điền kinh 2 (4 tín chỉ)

- Điền kinh 2 (nhảy xa, nhảy cao) là môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân và huấn luyện thể thao nước ta. Đồng thời Điền kinh 2 còn là môn học chủ yếu đối với sinh viên các trường Cao đẳng và Đại học Thể dục thể thao. Với nội dung rất phong phú và đa dạng, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện.

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật các môn nhảy xa và nhảy cao. Đồng thời bồi dưỡng cho người học về phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn nhảy xa và nhảy cao.

- Là tiền đề và nền tảng thể lực để học tập các môn thể thao khác, đặc biệt là môn Điền kinh chuyên sâu.

6.23. 55GNT331, Thể dục 1 (3 tín chỉ)

Thể dục 1 (Đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản) là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Thể dục thể thao. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Các kỹ thuật cơ bản về đội ngũ, các bài tập về đội hình, các bài tập thể dục cơ bản, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học. Thông qua môn học giúp người học bồi dưỡng tư thế thân thể đúng, chính xác thực hiện động tác thể dục thể thao, đồng thời rèn tính tổ chức kỉ luật, tính tập thể để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.24. 55GNT332, Thể dục 2 (3 tín chỉ)

Thể dục 2 (Thể dục Aerobic, thể dục đồng diễn) là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Thể dục thể thao. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Khái quát chung về thể dục Aerobic và đồng diễn thể dục. Các kỹ thuật cơ bản của thể dục Aerobic và thể dục đồng diễn,

phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá môn học. Phương pháp biên soạn bài thể dục Aerobic và thể dục đồng diễn. Phương pháp huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài môn thể dục Aerobic và thể dục đồng diễn.

6.25. 55SFB341, Bóng đá (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng đá. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.26. 55SVB341, Bóng chuyền (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - Chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn bóng chuyền. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền, nhanh, mạnh, khéo léo để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.27. 55BKB341, Bóng rổ (4 tín chỉ)

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng rổ; Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

6.28. 55SBM341, Cầu Lông (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Cầu lông. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.29. 55SWM321, Bơi 1 (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp phòng, chống đuối nước; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; Luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bơi. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.30. 55SWM322, Bơi 2 (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp phòng, chống đuối nước, Phương pháp kiểm tra, đánh giá; Luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bơi. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác..

6.31. 55KFU341, Võ thuật (4 tín chỉ)

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, các bài quyền, bài đối luyện, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện cũng như phát triển thể lực chung và vận dụng kỹ năng võ thuật trong đời sống

6.32. 55SGA321, Trò chơi vận động (2 tín chỉ)

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về môn Trò chơi vận động như: Sơ lược lịch sử, ý nghĩa và tác dụng của môn học. Thông qua môn học sinh viên có thể phân tích được phương pháp tổ chức các trò chơi vận động, cách thức biện soạn và sáng tác và tổ chức được trò chơi phù hợp với đối tượng và năng lực vận động. Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm. Môn học trò chơi góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong cho sinh viên và tạo điều kiện cho học tập các môn thể thao.

6.33. 55SSC331, Đá cầu (3 tín chỉ)

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn đá cầu; Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

6.34. 55NTS321, Thể thao dân tộc (2 tín chỉ)

Môn Thể thao dân tộc trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của các môn Thể thao dân tộc. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền, nhanh, mạnh và là nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.35. 55TEI321, Quần vợt (2 tín chỉ)

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Quần vợt. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

6.36. 55CHE321, Cờ vua (2 tín chỉ)

Cờ vua là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc lịch sử phát triển, đặc điểm tác dụng khi tập luyện môn cờ vua, xu hướng phát triển môn cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, các thông tin quy ước; phương pháp nghiên cứu ván đấu qua các giai đoạn, cách đánh giá thế trận, phân tích lập kế hoạch cho từng ván đấu; những kiến thức lý luận về phương pháp giảng dạy, tập luyện, phương pháp thi đấu và trọng tài cờ vua.

6.37. 55GNT321, Âm nhạc vũ đạo (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng cơ bản về môn Âm nhạc vũ đạo, cụ thể nội dung môn học là các điệu nhảy khiêu vũ thể thao (Dance sport). Nắm được nguyên lý kỹ thuật của một trong những vũ điệu Latin cơ bản – Vũ điệu Chachacha, Jive. Phân biệt được tiết tấu giai điệu âm nhạc của vũ điệu, đặc trưng thể thao của vũ điệu, một số nét văn hoá vũ hội (thời trang, giao tiếp, ứng xử...). Sử dụng làm phương tiện để rèn luyện sức khỏe lâu dài và giao tiếp cộng đồng, xã hội. Có thể hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

6.38. 55TTE321, Bóng bàn (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng bàn. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác..

6.39. 55EPS431, Tâm lý học giáo dục (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

6.40. 55PEP441, Giáo dục học (4 tín chỉ)

Giáo dục học là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Môn học đề cập đến những nội dung sau:

- Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Kiến thức về mục đích và nhiệm vụ giáo dục.

- Kiến thức về lý luận dạy học như: khái niệm quá trình dạy học, cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học, quy luật, động lực, lôgic của quá trình dạy học; nguyên tắc và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức tổ chức dạy học.

- Kiến thức về lý luận giáo dục: Khái niệm quá trình giáo dục, đặc điểm, bản chất của quá trình giáo dục, lôgic của quá trình giáo dục; Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục; kiến thức và kỹ năng tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

- Những yêu cầu về nhân cách người giáo viên, đặc điểm lao động sư phạm vai trò và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

6.41. 55STM441, Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)

Học phần Lý luận và phương pháp GDTC trang bị cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về TDTT; bản chất, chức năng cơ bản của TDTT; Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của TDTT; Các phương tiện GDTC; Các phương pháp GDTC; Các nguyên tắc về phương pháp GDTC; Các hình thức tổ chức giờ thể dục; Những đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và phương pháp giáo dục các tổ chức thể lực; Kết thúc học phần, người học có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học.

6.42. 55SSM431, Phương pháp dạy học môn Giáo dục thể chất trong trường phổ thông 1 (3 tín chỉ)

Phương pháp dạy học giáo dục thể chất trong trường phổ thông 1 là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo Cử nhân sư phạm

Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng như sau: Đặc điểm cơ bản của phương pháp dạy học động tác; Phương pháp đánh giá môn giáo dục thể chất; Các bước lên lớp. Môn học này còn cung cấp cho người học về phương pháp đánh giá theo sự phát triển năng lực của học sinh ở trường phổ thông.

6.43. 55SSM432, Phương pháp dạy học môn Giáo dục thể chất trong trường phổ thông 2 (3 tín chỉ)

Phương pháp dạy học môn giáo dục thể chất trong trường phổ thông 2 là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo Cử nhân sư phạm Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: - Xây dựng kế hoạch giảng dạy, Tiến trình giảng dạy, Kế hoạch giảng dạy cho từng học kì, Thực hành soạn kế hoạch giảng dạy, Soạn kế hoạch bài dạy (giáo án) nội dung bắt buộc, Luyện tập dạy các phần trong giờ giáo dục thể chất.

6.44. 55ASF421, Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở (2 tín chỉ)

Môn học tạo môi trường thực tế về chuyên môn cho sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm đã học trong lý thuyết để lập kế hoạch tổ chức và quản lý các hoạt động học tập, trải nghiệm và rèn luyện của sinh viên trong thực tiễn ở cơ sở; từ đó, nâng cao kiến thức đã học, kết hợp giữa lý luận và thực tế, học đi đôi với hành; rèn luyện các kỹ năng, kỷ luật tập thể. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, khai thác, xử lý số liệu, viết báo cáo thu hoạch, cách thức tổ chức tập luyện các môn thể thao. Thông qua việc nghiên cứu, tham quan và học tập tại các cơ sở, sinh viên được trang bị kiến thức thực tế phục vụ cho nghiên cứu chuyên ngành, đồng thời bồi dưỡng lòng yêu nghề nghiệp thông qua thực tiễn trải nghiệm.

6.45. 55TRA421, Thực tập Sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp.

6.46. 55TRA432, Thực tập Sư phạm 2 (3 tín chỉ)

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng có bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

6.47. 55SVB442, Bóng chuyền nâng cao (4 tín chỉ)

Môn học hệ thống lại cho người học những kiến thức chung về Đặc điểm, ý nghĩa,

sơ lược lịch sử; nguyên lý các kỹ thuật cơ bản; luật thi đấu của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn bóng chuyên. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền, nhanh, mạnh, khéo léo để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.48. 55SFB442, Bóng đá nâng cao (4 tín chỉ)

Môn học này giúp người học củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học (như đá bóng bằng cạnh trong, mu trong, mu ngoài bàn chân...); Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong bóng đá như volley, demi volley..., Trang bị những kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bóng đá; Phương pháp, năng lực tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài bóng đá; Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp tuyển chọn và huấn luyện bóng đá.

6.49. 55BKB442, Bóng rổ nâng cao (4 tín chỉ)

Củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học; Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong Bóng rổ như: Nhảy ném rổ, kỹ thuật đột phá qua người...; Trang bị kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu Bóng rổ; Trang bị phương pháp và năng lực tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Bóng rổ.

6.50. 55SSM442, Bơi nâng cao (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; Luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bơi. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác..

6.51. 55SBM442, Cầu lông nâng cao (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Cầu lông. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.52. 55KFU442, Võ thuật nâng cao (4 tín chỉ)

Học phần Võ thuật nâng cao trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ thuật - Chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn số môn Võ. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền, nhanh, mạnh, khéo léo để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.53. 55GTP904, Khoá luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)**6.54. 55EDS941, Học thuyết huấn luyện(4 tín chỉ)**

Học phần *Học thuyết huấn luyện* trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác huấn luyện trong lĩnh vực thể dục thể thao như: Các nguyên tắc và phương pháp huấn luyện; cách xây dựng, tổ chức và quá trình huấn luyện thể thao. Giúp sinh viên nâng cao hiểu biết và vận dụng vào công tác tuyển chọn, huấn luyện các môn thể thao ở cơ sở và trường học sau khi tốt nghiệp.

6.55. 55SMG941, Quản lý thể dục thể thao (4 tín chỉ)

Học phần Quản lý Thể dục thể thao trang bị cho người học những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý Thể dục Thể thao; Cán bộ quản lý trong lĩnh vực Thể dục Thể thao; Hoạt động chỉ đạo, kiểm tra... hệ thống tổ chức, quản lý Thể dục Thể thao Việt Nam; Công tác tuyên truyền Thể dục Thể thao; Hoạt động dịch vụ Thể dục Thể thao. Từ những nội dung kiến thức này, người học có thể vận dụng vào công tác quản lý hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng tại cơ sở và hoạt động Giáo dục Thể chất và Thể thao trường học.

6.56. 55SCC931, Giáo dục học Thể dục Thể thao (3 tín chỉ)

Môn Giáo dục học TDDT cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản nhất về lý luận giáo dục trong thể thao, phân tích bản chất của giáo dục, các qui luật, xu thế, triển vọng của nó. Trên cơ sở đó, nghiên cứu mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục con người trong hoạt động thể thao. Giúp sinh viên có được những hiểu biết quan trọng cần thiết về việc tổ chức, quản lý, giáo dục con người trong xã hội nói chung, trong thể thao nói riêng, đặc biệt chuẩn bị tốt cho tiềm lực lao động sư phạm và huấn luyện thể thao.

6.57. 55SHT931, Lịch sử Thể dục Thể thao (3 tín chỉ)

Môn Lịch sử thể dục thể thao là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm thể dục thể thao. Môn học cung cấp cho sinh viên sư phạm những kiến thức về

lịch sử hình thành và phát triển của thể dục thể thao qua các thời kỳ, các đại hội, thể vận hội ở trên thế giới và ở Việt Nam.

6.58. 55SPL931, Tâm lý học TDTT (3 tín chỉ)

Tâm lý học TDTT là một lĩnh vực chuyên ngành của khoa học tâm lý, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở của đặc điểm tâm lý của con người khi tham gia những hoạt động TDTT; Đặc điểm tâm lý của công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đây chính là cơ sở khoa học để huấn luyện viên, giáo viên thể dục vận dụng trong việc điều chỉnh tâm lý của học sinh và vận động viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục học sinh, vận động viên.

HIỆU TRƯỞNG

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Bùi Đức Nguyên

TRƯỞNG KHOA

TS. Đỗ Ngọc Cương

